

Bản án số: 462/2024/HS-PT

Ngày: 18/12/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Huân.

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Văn Hậu

2. Ông Bùi Đức Nam

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Huy Phúc, thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Hải Nam - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18/12/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, số A đường N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 436/2024/HS-PT ngày 14/11/2024 đối với bị cáo Phạm Thị Ngọc S, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6049/2024/QĐXXPT-HS ngày 18/11/2024 do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án sơ thẩm số 173/2024/HS-ST ngày 29/7/2024 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo kháng cáo:

Họ và tên: **Phạm Thị Ngọc S**; giới tính: nữ; sinh năm 1987 tại tỉnh Ninh Thuận; nơi đăng ký thường trú: Khu phố F, phường T, Thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận; nơi cư trú: 1 đường T, Khu phố B, phường Đ, Thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 07/12; nghề nghiệp: buôn bán; con ông Phạm Văn T và bà Huỳnh Thị C; chồng tên Nguyễn Lâm Gia K; có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh ngày 23/01/2024 (bl-353)

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị: **Nguyễn Ái Q**, giới tính: nam; sinh năm 1984; vắng mặt.

Người bào chữa cho bị cáo:

- Ông **Nguyễn Trung T1**, luật sư của Công ty L, Đoàn luật sư Thành phố H; có mặt;

-Bà **Lê Quỳnh A**, luật sư của Công ty L, Đoàn luật sư Thành phố H; vắng mặt (có đơn xin vắng mặt và có sự đồng ý của bị cáo).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 8 giờ 15 phút ngày 11/9/2023, Công an Q1 tuần tra trên tuyến đường DD5, khi đến trước địa chỉ số B đường D, phường T, Quận A thì phát hiện xe ô tô mang biển số 85C-042.90 do Nguyễn Ái Q điều khiển có biểu hiện nghi vi phạm pháp nên đã tiến hành kiểm tra thì phát hiện bắt quả tang trên xe có 10 kiện hàng chứa thuốc lá điều nhập lậu gồm: 5.350 bao thuốc lá điều nhãn hiệu JET; 1400 bao thuốc lá nhãn hiệu SCOTT; 150 bao thuốc lá điều nhãn hiệu HERO. Q khai rằng Quốc vận chuyển số hàng đã nêu cho Phạm Thị Ngọc S.

Vào lúc 23 giờ ngày 11/9/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Q1 tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phạm Thị Ngọc S tại Đ đường T, Khu phố B, phường Đ, Thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận thì thu giữ được tại đây: 152 bao thuốc lá điều hiệu Bled No.555 Gold; 30 bao thuốc lá điều hiệu Blend No.555 Mandarin; 04 bao thuốc lá điều hiệu JET (Gold Bled)(bl.101).

Tổng số thuốc lá điều nhập lậu thu giữ được 7.086 bao.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Q1 đã tiến hành đưa Phạm Thị Ngọc S và Nguyễn Ái Q cùng số thuốc lá đã nêu về Công an Q1 lập hồ sơ xử lý.

Tại cơ quan cảnh sát điều tra Công an Q1, Phạm Thị Ngọc S và Nguyễn Ái Q khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng tháng 6/2023, thông qua các mối quan hệ ngoài xã hội, S đã liên hệ với 01 người phụ nữ tên N dùng số thuê bao 03799675, sinh sống trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, chuyên mua bán thuốc lá ngoại nhập lậu. S hỏi mua của N thuốc lá điều nhập lậu các nhãn hiệu Hero, J, S1 với số lượng lớn rồi thuê người vận chuyển từ Thành phố Hồ Chí Minh về Thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận để bán lại kiếm lời. N đồng ý. S và N thỏa thuận, khi có hàng N sẽ thông báo số lượng và giá cả cho S biết để lấy hàng và thanh toán tiền cho N. Tuy nhiên, do quen biết nên N thường cho S thanh toán tiền sau.

Để vận chuyển thuốc lá điều nhập lậu giao cho S, N giới thiệu Nguyễn Ái Q vận chuyển giao cho S, S đồng ý. Địa điểm lấy hàng thì sẽ do N cho Q biết. Sau khi nhận hàng do N giao, Q vận chuyển mang đi giao cho S tại Thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận, tiền công vận chuyển là 200.000đ/kiện hàng, N và S mỗi người chịu một nửa. Sau khi nhận được hàng do Q giao, S dùng xe máy mang biển số 85C1-421.20 chở về nhà của S tại địa chỉ 1 T, Khu phố B, phường Đ, Thành phố P - T để cất giấu, bán lại cho người khác.

Theo lời khai của S thì S đã mua thuốc lá điều nhập lậu của N tổng cộng 04 lần, trong đó có 03 lần đã vận chuyển trót lọt 210 cây (2.100 gói). Lần thứ tư thì bị bắt quả tang như đã nêu.

Theo Công văn số 150/CV-2023 của H ngày 13/9/2023 xác định 6.900 bao thuốc lá điều gồm 5.350 bao có nhãn hiệu Jet, 1.400 bao nhãn hiệu Scott; 150 bao nhãn hiệu Hero là thuốc lá điều nhập lậu (bút lục 25).

Theo Công văn số 152/CV-2023 của H ngày 20/9/2023 xác định 186 bao thuốc lá điều gồm 04 bao có nhãn hiệu Jet, 152 bao có nhãn hiệu 555 Gold, 03 bao có nhãn hiệu 555 Mandarin là thuốc lá điều nhập lậu (bút lục 28).

Ngoài vật chứng là thuốc lá điều nhập lậu bị thu giữ như đã nêu. Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra con thu giữ một số vật chứng, tài sản liên quan khác của S và Q.

Quá trình điều tra, S đã tự nguyện giao nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 9.100.000đ.

Đối với người phụ nữ N, trong quá trình điều tra, nghi ngờ người này là Nguyễn Thị Kim T2, đăng ký thường trú tại 36/9/12/12 đường N, Khu phố C, phường T, quận B. Tuy nhiên, T2 không có mặt tại địa phương, Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy tìm nhưng chưa có kết quả nên chưa lấy được lời khai để làm rõ. Cơ quan điều tra đã ra quyết định tách vụ án để xem xét xử lý sau.

Tại Bản Cáo trạng số 142/CT-VKS-Q12 ngày 24/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Phạm Thị Ngọc S về tội “Buôn bán hàng cấm” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 190 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và truy tố bị cáo Nguyễn Ái Q về tội “Vận chuyển hàng cấm” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 191 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 173/2024/HS-ST ngày 29/7/2024 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định như sau:

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 190, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Ngọc S 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Buôn bán hàng cấm”.

Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên phạt Nguyễn Ái Q 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Vận chuyển hàng cấm”, áp dụng các biện pháp tư pháp, tuyên quyền kháng cáo của các bị cáo và các đương sự.

Ngày 02/8/2024, bị cáo S có đơn kháng cáo với nội dung: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, hoàn cảnh gia đình khó khăn, một mình phải nuôi 03 con nhỏ; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã nộp lại toàn bộ tiền thu lợi bất chính. Với lý do đã nêu, đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và bổ sung lý do kháng cáo như sau: Khi phạm tội, bị cáo đang mang thai nhưng chưa được Tòa án xem xét.

Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết kháng nghị như sau:

Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo về tội “Buôn bán hàng cấm” theo điểm b khoản 3 Điều 190 là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm có một số thiếu sót như sau: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên nhưng Tòa án cấp sơ

thẩm không áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; bị cáo tội khi đang mang thai nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là có thiếu sót. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo từ 03 đến 06 tháng tù.

Luật sư bào chữa cho bị cáo như sau:

Ngoài các tình tiết giảm nhẹ mà cấp sơ thẩm đã xem xét và kiểm sát viên đã nêu tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo còn có các tình tiết giảm nhẹ khác đó là: Hoàn cảnh gia đình hiện tại khó khăn, phải nuôi 3 con nhỏ, cha đẻ già yếu và 01 người chú bị hạn chế năng lực hành vi (được Ủy ban nhân dân phường Đ xác nhận). Trong quá trình sinh sống tại địa phương, bị cáo tích cực tham gia công tác xã hội, tặng quà cho các hộ nghèo ở xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận, được Hội chữ thập đỏ tỉnh Ninh Thuận gửi thư cảm ơn và ghi nhận.

Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng mà áp dụng mức án tù dưới mức thấp nhất trong khung hình phạt.

Bị cáo đồng ý với ý kiến bào chữa của luật sư, không bào chữa bổ sung mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử khoan hồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Căn cứ lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm, kết quả giám định và các tài liệu chứng cứ thu thập được, có căn cứ để xác định rằng:

Vì động cơ vụ lợi, Phạm Thị Ngọc S đã có hành vi mua thuốc lá ngoại nhập lậu của một người tên N chưa rõ lai lịch, rồi thuê Q vận chuyển từ Thành phố Hồ Chí Minh đến Ninh Thuận, mang về nhà của S để cất giấu và bán lại cho người khác.

Vào ngày 11/9/2023, khi Nguyễn Ái Q đang vận chuyển 6.900 bao thuốc lá điều nhập các loại thì bị công an Q1 phát hiện bắt quả tang.

Khi khám xét chỗ ở của Phạm Thị Ngọc S tại địa chỉ 1 đường T, Khu phố B, phường Đ, Thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận, Công an thu giữ được 186 bao thuốc lá điều nhập lậu các loại.

Tổng số thuốc lá điều nhập lậu thu giữ được là 7.086 bao.

Trong quá trình điều tra, bị cáo khai trình trước thời điểm bị bắt, bị cáo có mua của N 2.100 gói thuốc lá điều nhập lậu. Tuy nhiên, do chưa xác định được chính xác lai lịch của N. Cơ quan điều tra nghi ngờ N chính là Nguyễn Thị Kim T2. Tuy nhiên, T2 không có mặt tại địa phương, Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy tìm nhưng chưa có kết quả nên chưa lấy được lời khai để làm rõ. Cơ quan điều tra đã ra quyết định tách vụ án để xem xét xử lý sau.

Căn cứ vào kết quả điều tra, Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, chỉ truy tố bị cáo về hành vi mua bán 7.086 bao thuốc lá điều nhập lậu là đúng pháp luật.

[2].Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, cụ thể là trong lĩnh vực thương mại. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là sai trái, bị luật pháp nghiêm cấm, nhưng vẫn cố ý vi phạm.

[3].Đối chiếu với quy định của pháp luật, có đủ căn cứ để xác định bị cáo đã phạm tội “Buôn bán hàng cấm” theo điểm b khoản 3 Điều 190 Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo theo tội danh, điều luật như đã nêu là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4].Kháng cáo của bị cáo :

Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; số tiền thu lợi bất chính không lớn; hầu hết số hàng phạm pháp đã bị thu hồi; trong quá trình điều tra, bị cáo đã nộp lại toàn bộ tiền thu lợi bất chính; có 03 con nhỏ. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo có cung cấp cho Tòa án giấy khai sinh của trẻ Phạm Lâm Gia K1, là con của bị cáo. Theo giấy khai sinh vừa nêu thì trẻ K1 sinh ngày 23/01/2024. Bị cáo phạm tội vào ngày 11/9/2023. Như vậy, có căn cứ xác định vào thời điểm phạm tội bị cáo đang mang thai trẻ K1. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là có thiếu sót.

Mặt khác, theo hồ sơ vụ án và sự thừa nhận của bị cáo thì bị cáo phạm tội 02 lần trở lên nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là có thiếu sót.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo và luật sư bào chữa cũng cung cấp một số tài liệu chứng cứ mới: “Đơn xin xác nhận hoàn cảnh gia đình” có sự xác nhận của Ủy ban nhân dân phường Đ, xác nhận hiện tại gia đình bị cáo gặp khó khăn, ngoài việc nuôi 03 con nhỏ còn phải nuôi cha đẻ già yếu và 01 người chú bị hạn chế năng lực hành vi; bản thân bị cáo mới sinh con nên sức khỏe kém; thư cảm ơn của Hội chữ thập đỏ tỉnh Ninh Thuận ghi nhận việc bị cáo tham gia tặng quà cho 15 hộ gia đình nghèo, khó khăn ở xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận. Đây là các tình tiết mới và cũng cần được xem xét là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự như đã được nêu. Do vậy, cần cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng mà áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất trong khung hình phạt.

[5].Các nhận định đã nêu cũng là căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận ý kiến bào chữa của bị cáo, luật sư bào chữa, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[6].Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng

hình sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm số 173/2024/HS-ST ngày 29/7/2024 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 190, điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Ngọc S 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Buôn bán hàng cấm”, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

2.Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3.Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4.Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- TAND Cấp Cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP .HCM; (3)
- VKSND Quận 12; (1)
- P. PC27 – CATP; (1)
- Bị cáo; (1)
- Luật sư; (1)
- THA Quận 12; (1)
- TAND Quận 12; (1)
- Công an Quận 12; (1)
- UBND nơi BC cư trú; (1)
- Sở tư pháp; (1)
- Lưu, Tòa hình sự, hồ sơ. (18) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Công Huân

